

Chuyện “tếu” cố đô

TÂM NGUYỄN



Dù đã xa Huế 20 năm và cách Huế nghìn trùng, cứ nghĩ rằng thời gian là liều thuốc tiên kỳ diệu giúp người ta quên mọi chuyện trên đời, nhưng sự thật thì cứ mỗi lần nghĩ tưởng về Huế, lòng sao cứ bồi hồi xen lẫn nhớ thương!

Huế đẹp, Huế thơ như thế đó, nhưng khốn nỗi Huế nghèo quá, lại ở trong một đất nước tả tơi sau nhiều

năm ngoại xâm rồi nội chiến, nên không có điều kiện để phát huy hết cái đẹp của mình như các thành phố khác ở các quốc gia giàu mạnh. Có thể ví Huế như cô gái làng quê với vẻ đẹp mặn-mà phong nhụy, sinh trưởng trong gia đình nghèo khó, không chút lượt là son phấn. Ước mong sao một ngày đẹp trời nào đó, cô gái quê lọt vào mắt xanh của vị Thái tử du Xuân

thì may ra có thể trở thành Hoàng phi, Hoàng hậu như lịch sử đã từng viết về các trường hợp: Ý Lan Quận chúa (cô gái hái dâu), Thứ phi Đặng thị Huệ (cô gái hái chè) hoặc gần đây nhất là bà Từ Cung Đuan Huy Hoàng Thái Hậu, mẹ Vua Bảo Đại - (một cô gái dân dã từ làng quê Mỹ Lợi, huyện Phú Lộc...)

Ước mong đó một phần nào đã thành hiện thực khi vào tháng 12.1993, sau cuộc họp lần thứ 17 ở Columbia, Ủy Ban Di Sản Thế Giới (World Heritage Committee) thuộc Tổ chức Văn Hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã công nhận Huế là ‘tài sản văn hóa chung của nhân loại’. Quyết định công nhận của UNESCO có đoạn viết: ...‘Quần thể di tích Huế là kinh đô của nước Việt Nam được xây dựng vào đầu thế kỷ 19. Nó kết hợp triết lý đông phương và truyền thống Việt Nam. Được hòa quyện vào môi trường thiên nhiên, vẻ đẹp và sự phong phú đặc biệt của kiến trúc và trang trí ở các tòa nhà là một phần ảnh độc đáo của đế chế Việt Nam ngày xưa vào thời kỳ cực thịnh của nó.’..

Vị Cựu Tổng Giám đốc UNESCO là ông A.M’ Bow - vốn là nhà thơ - đã phát biểu trong năm 1981 khi viếng thăm Việt Nam rằng: “Huế là một kiệt tác về thơ kiến trúc đô thị” (a masterpiece of urban poetry: theo P.T.A. trong tuyển tập Nhớ Huế, 1995). Với quyết định đó, LHQ sẽ tài trợ cho Việt Nam để tu bổ, tôn tạo thành phố Huế ngày càng đẹp đẽ hơn.

Ca tụng vẻ đẹp Huế thiết nghĩ phải dành cho các tao nhân mặc khách, những nhà văn, nhà thơ tâm cổ như thi hào Nguyễn Du, thi bá Tản Đà và các nhà thơ lớn như Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Huy Cận... trước đây đã từng làm.

Kể viết bài này lời lẽ thô lậu, chỉ xin kể hầu quý vị một số những chuyện vụn vặt, tạm gọi là ‘chuyện tếu’ về cố đô để góp thêm chút ‘mắm muối’ hương vị vào những câu chuyện đã có rất nhiều về cố đô thân thương ...

* * *

Nói đến Huế, không thể không nhắc tới núi Ngự và sông Hương, cũng như nói tới Hà Nội, ai cũng nghĩ đến núi Nùng, sông Nhị. Vậy xin bắt đầu với ‘chuyện tếu’ về ... phong thủy cổ đô.

NÚI NGỰ

Núi Ngự, nói cho đủ là Ngự Bình - cao khoảng 100 mét kể từ mặt biển - được xem là ‘bình phong’ ngăn chặn những ảnh hưởng xấu đến với hoàng thành, với nhà Vua, gây bất lợi cho triều đại nhà Nguyễn của Vua Gia Long và hậu duệ của Ngài.

Năm 1802, sau khi dứt nhà Tây Sơn, bình định giang sơn từ Nam chí Bắc sau gần 250 năm chia ly và nội chiến (tính từ 1558 là năm Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hóa), Vua Gia Long - Nguyễn Phúc Ánh (gốc Gia Miêu ngoại trang, huyện Quý Hương, Thanh Hóa) đã chọn Huế làm kinh đô, nơi nhiều đời các Chúa Nguyễn trước đây đã lập nghiệp - kể từ khi Chúa Thượng - Nguyễn Phúc Lan dời kinh từ Quảng điền về Kim Long năm 1636.

Vua Gia Long khởi công xây dựng kinh thành Huế từ tháng 4 năm Ất Sửu (1805) và dần dà được củng cố, tăng cường mãi cho tới năm 1824 (dưới thời Vua Minh Mạng) mới thực sự hoàn thành. Hàng vạn quân, dân từ các tỉnh lân cận được điều động về Huế để xây thành, đào hào.

* Theo quan niệm phong thủy của Tàu, chính diện của công đường phải có bình phong che chắn; nếu để thành quách trống trải thì dễ gặp những tác hại xấu, ảnh hưởng đến gia chủ. Ở đây gia chủ lại là các Vua Chúa, thì tác hại có tầm vóc to lớn hơn, ảnh hưởng đến cả quốc gia dân tộc. Do đó, khi lựa chọn vị trí để đặt kinh đô, các vị Đế Vương phải ‘vô cùng’ cẩn trọng. Nào là kinh đô phải nằm ở cuộc đất có thế triều long (long, hổ hội), tả thanh long, hữu bạch hổ, núi cao sông rộng (minh đường, thủy tụ) và mặt sau có núi làm thế dựa lưng (huyền vũ) vững vàng... Lại nữa, theo quan niệm xưa, kinh đô phải là nơi hội tụ được khí thiêng sông núi, để nhân tài bốn phương qui về giúp rập. Cũng như trong khoa Tử Vi đẩu số, sao Tử Vi thủ mệnh phải có các bộ sao Tả Hữu, Khoa Quyền Lộc, Quang Quý, Xương Khúc, Khôi Việt, Bình Hình, Tướng Ấn ... đắc địa hội tụ, thì lá số mới thực tốt, đương số mới giữ vai trò lãnh tụ được.

Tìm kiếm địa cuộc như trên không ngoài mục tiêu làm sao cho đất nước cường thịnh, và nhất là triều đại được muôn năm trường trị, dòng họ được mãi mãi ở ... trên đầu trên cổ người ta.

Nếu ta ngồi ở ... ngai vàng nhà Vua trong Điện Thái Hòa, tức là nơi nhà Vua ngự triều trông thẳng về hướng chính Nam, thì trước hết sẽ thấy cửa Ngọ Môn, sau đó là cột cờ cao vút và xa xa hơn nữa là núi Ngự Bình.

Hướng Nam thuộc Ngọ cung, là thời điểm mặt trời ở thiên đỉnh, tượng trưng ngôi vị Vua là cao tột trong nhân gian. Vả lại, theo Kinh Dịch, ‘Thánh nhân nam diện nhi thính thiên hạ’ có nghĩa là bậc thánh nhân ngồi xây mặt về hướng Nam để nghe thiên hạ (Nguyễn Châu và Đoàn Văn Thông, đặc san Nhớ Huế 1995). Theo lối nói thời đại, có thể hiểu nghĩa câu trên là nhà lãnh đạo quốc gia cần tìm hiểu nguyện vọng của người dân, vì ý dân là ý Trời !

Xây mặt về hướng Nam, đối với Vua nước ta còn mang ý nghĩa thâm kín: luôn luôn hướng đến một nền độc lập tự cường, không thần phục thiên triều phương Bắc. Các Vua nhà Nguyễn kể từ Vua Gia Long trở đi, đều xưng là Hoàng Đế (Đại Nam, Việt Nam) và đặt mình ngang hàng với các Hoàng Đế của triều đình Mãn Thanh. Hướng về Nam còn là sự nhắc nhở để các thế hệ Vua Chúa nhà Nguyễn đừng bao giờ quên: miền Nam là đất do nhiều đời các Chúa Nguyễn kế tục đã dày công khai phá, gây dựng... cần được xem là chỗ tựa vững chắc của các triều đại nhà Nguyễn.

Ngự Bình là một ngọn núi thấp, nhỏ và khô cằn nằm bên cạnh một ngọn núi thấp nhỏ khác là Tam Thai mà tại đây, vào năm 1789 Vua Quang Trung làm lễ đăng quang lên ngôi Hoàng Đế trước khi xuất quân thần tốc và oanh liệt tiêu diệt 20 vạn quân xâm lăng Mãn Thanh của Tôn Sĩ Nghị ở các trận Ngọc Hồi, Hạ Hồi ... Có một thời, khoảng 1947 - 1948, trong dân gian ở chốn cổ đô người ta thường nghe truyền tụng hai câu thơ đối nhau chan chát:

Núi Ngự không cây, cu (1) đậu đất

Sông Hương vắng khách, dĩ (1) kêu trời
nói lên tình trạng bi đát của cổ đô trong hoàn cảnh dầu sôi lửa bỏng. Một mặt, thực dân Pháp núp dưới chiêu bài chống Cộng, làm le dặt lại nền thống trị trên đất nước ta; mặt khác, Việt Minh (tiền thân của Việt cộng) ra sức khủng bố, thủ tiêu những người cộng tác với Pháp - dù là ở thế bất đắc dĩ - để chống lại họ. Trong khi đó Vua Bảo Đại



đang ở Hồng Kông, còn dân tình trong toàn quốc nói chung thì vô cùng cơ cực vì chiến tranh, đàn áp khủng bố và đói rách.

(1) Cu: con trai, đi: con gái - tiếng dân quê miền Bắc.

SÔNG HƯƠNG

Trước mặt kinh thành Huế là con sông Hương, vắt ngang như giải lụa óng ả màu bích ngọc. Nhà thơ vĩ đại Nguyễn Du thi vị hoá dòng sông này vào lúc trăng lên:

Hương giang nhất phiến nguyệt
Kim cổ hứa đa tình . . .

Đặc điểm của dòng sông này là nước luôn luôn đầy ắp và thường trong xanh, ngay cả trong mùa khô kiệt xảy ra cho toàn vùng, vào các tháng 6, 7, 8 d.l. mỗi năm, không như các dòng sông khác ở Bắc và Trung phần (Hồng Hà ở miền Bắc, sông Mã, sông Cả ở Thanh Hóa, sông Chu ở Nghệ An, Thạch Hãn ở Quảng Trị, Thu Bồn ở Quảng Nam, Trà Khúc ở Quảng Ngãi, sông Ba ở Tuy Hòa, sông Cái ở Nha Trang..) đến mùa nắng hạ thì lòng sông trở đầy cát, nước chảy le te, nhiều nơi lộ ngang được.

Theo quan niệm phong thủy, “nước” tượng trưng cho tài lộc, nên đặc điểm “nước luôn luôn đầy ắp” làm cho sông Hương tăng thêm vẻ đẹp phong thủy của Huế, mang ý nghĩa của cái dồi dào phú túc, quốc gia sẽ được giàu mạnh, con dân được cường thịnh. Hai bên đoạn sông chảy qua kinh thành, có hai cồn nổi là cồn Giã Viên (nơi có nhà máy nước mang cùng tên và cầu xe lửa Bạch Hổ bắc ngang) và cồn Hến (Phú Lưu) tượng hình hai tay vịn của chiếc ngai Vua, mà theo cách nhìn của các nhà địa lý, sẽ làm cho ngai vàng thêm oai phong, bền vững hơn.

Luận về địa cuộc như trên thì Huế là nơi đóng đô .. hết chỗ chê; hoàng thành lại thuộc kiến trúc kiểu Vauban kiên cố, có hào bao quanh rất khó công phá, triều đại nhà

Nguyễn làm sao mà không vững bền, trường trị, kinh đô Huế, đất nước Việt làm sao mà không giàu có cho được ?!

Thế nhưng . . . buồn thay! Nhà Nguyễn Gia Miêu cũng chỉ được bốn đời thực sự có chủ quyền, Vua thực sự là Hoàng Đế. Nhất là dưới triều Minh Mạng, ảnh hưởng của nước ta bao trùm lên các quốc gia Miên, Lào. Còn chín vị Vua khác từ Vua Tự Đức trở lại, phần lớn chịu sự thao túng của các đại thần có thế lực như Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường (vào thời ba vua Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc) hoặc chỉ là bù nhìn của thực dân Pháp (Đồng Khánh, Khải Định, Bảo Đại). Những vị Vua có khí phách, không chịu thần phục Pháp đều bị tù đầy, an trí ở các đảo quốc xa xôi (trường hợp hai cha con Vua Thành Thái và Duy Tân). Cho đến nỗi, khi Đức Thành Thái được thỉnh lên làm Vua, mẹ của ngài đã phải khóc lóc năn nỉ triều thần xin tha cho con mình . . . khỏi “bị” làm Vua!

Riêng thành phố Huế, trải qua nhiều thời đại, vẻ đẹp thiên nhiên vẫn còn đó, sông Hương vẫn đầy ắp nước như thuở nào, mà sao Huế vẫn mãi còn nghèo khổ, mặc dầu kể từ thời T.T. Ngô đình Diệm cho tới nay, nhiều kế hoạch xây dựng kinh tế cho Huế được vạch ra, được bàn thảo và nghị quyết, nhưng đến nay hầu hết vẫn còn trên mặt giấy tờ.

Đa số các kế hoạch nói trên đều nhắm vào việc khai thác thế mạnh của Huế, tức là vẻ đẹp thiên nhiên - được bàn tay khéo léo của con người Việt Nam tô điểm - của quần thể các di tích lăng tẩm do nhà Nguyễn xây dựng, và các chùa chiền được thành lập từ mấy trăm năm qua, mong biến Huế thành một trung tâm du lịch có tầm vóc quốc tế. Nhưng than ôi ! Với sự quản lý tồi tệ cố hữu đã trở thành bệnh căn của mọi nước cộng sản, với đầu óc mù lòa vì tư tưởng Mác-xít - Lê-ni-nít hẹp hòi, cổ lỗ thì làm sao mà Huế khá lên nổi !

Tôi không rõ thủ đô các quốc gia quân chủ như Bangkok của Thái Lan, Tokyo của Nhật Bản, London của Anh Quốc v.v.. dòng họ Vua Chúa của các nước này có mời thầy địa lý .. Tàu xem cuộc đất không, thủ đô họ có được chọn đặt ở những nơi ‘vượng khí, long hổ hội, có tả thanh long, hữu bạch hổ’ hay không, nhưng sao các đế chế của họ vẫn trường trị, lâu dài hơn nhà Nguyễn của Vua Gia Long nước ta rất nhiều.

Xin được xem đây là ‘chuyện tếu’ thứ nhất về cố đô: “phong thủy tếu”

* Sau khi Vua Bảo Đại bị Tổng Thống Ngô đình Diệm truất phế và thành lập nên Đệ Nhất Cộng Hòa (tháng 10.1956), những người am hiểu về phong thủy ở Huế thường hay đàm luận với nhau trong những lúc trà dư tửu hậu về hình dáng của núi Ngự Bình, qua một câu hò rất quen thuộc ở xứ Huế:

.. Núi Ngự Bình trước tròn sau méo ...

Thật ra, hình dáng của bất cứ một ngọn núi





nào khác trên quả đất này đều tùy theo vị trí đứng, góc nhìn của người xem mà thấy khác nhau. Điều đáng nói ở đây, theo các nhà địa lý trên cho biết, núi Ngự Bình có hình dáng như . . . cái bánh quai vạc. [Nếu vị nào không biết loại bánh này thì có thể hình dung một cái bánh ‘croissant’ của tây, nhưng làm bằng bột sắn (củ mì), nhỏ, ngắn hơn và đặc biệt là có độ “khum” ở giữa cộm lên hơn.] Các nhà địa lý ‘thối mồm’ đó cho biết, theo cách nhìn “chuyên môn” của họ - từ vị trí ngai vàng nhìn ra - thì núi Ngự Bình có hình dáng giống như “bộ phận sinh dục của phái nữ ám trước mặt”. Từ đó họ suy ra rằng các vị Vua triều Nguyễn chịu ảnh hưởng của cuộc đất kia án ngay trước chính diện của hoàng thành nên dòng họ này có nhiều Vua hoang dâm. Người ta nêu các dẫn chứng mang tính thuyết phục: nào là ... Vua Minh Mạng có đến 142 người con (78 trai, 64 gái), Vua Thiệu Trị có 64 người con (29 trai và 35 gái). Đặc biệt, Vua Minh Mạng còn nổi tiếng với thang thuốc rượy để đời "Nhất dạ lục giao sinh ngũ tử" do vị ngự y thông thái là ông Lê Quốc Chúc ra toa. Sau đó ông ngự y lại cho nhà Vua phái thuốc “Yếu cốt thông dược tửu” để trị bệnh đau nhức xương cốt của nhà Vua do trác táng quá độ nên gân cốt rã rời (?) mặc dù tuổi mới trên 40. Có lẽ vì thế nên mặc dù có được vị ngự y tài giỏi, Vua Minh Mạng cũng chỉ thọ được 49 tuổi (1791-1840). Nghe nói nhà Vua đã qua đời vì ... “ngã ngựa”. Chẳng rõ, đây là ngựa thứ thiệt "bốn chân" hay ngựa người “hai chân”. Theo thiển ý, dưới chế độ quân chủ chuyên chế, dù nhà Vua có thực sự ngã ngựa . . . hai chân đi nữa thì cũng không một nhà chép

sử nào vào thời đại đó dám viết thẳng ra như thế, nếu không muốn bị mất đầu.

Vua Thiệu Trị thì chỉ thọ 40 tuổi (1807-1847). Chẳng biết vì sao, vào thời đó với các vị ngự y được chọn lựa trong số tài giỏi nhất trong khắp cả nước, với thuốc men thuộc loại dăng tiến hảo hạng, ăn uống quá sung sướng và nhiều chất bổ dưỡng mà vị Vua nào cũng chết khi còn rất trẻ, ở lớp tuổi sung sức vô cùng. Vua nào sống tới tuổi 40 đã được xem là thọ. Chẳng thế mà khi Vua Khải Định vừa được 40 tuổi, triều đình đã tổ chức trọng thể lễ “tứ tuần đại khánh” mừng thọ nhà Vua!

Trưng dẫn các bằng chứng cho sự hoang dâm mà chỉ dựa vào số con đông đảo thì hóa ra có lợi cho các Vua Tự Đức và Khải Định quá. Hai vị Vua này cũng bị “núi Ngự Bình” áng ngữ như các vị Vua trên mà sao Vua Tự Đức thì không có con để phải nhận ba đứa cháu làm con nuôi; còn Vua Khải Định chỉ có một con trai độc nhất là Vua Bảo Đại? Phải chăng hai vị Vua này không thích đàn

bà?

Có thể xem đây là một ... “phong thủy tếu” khác chăng?

* Chuyện tếu tôi xin kể sau, mang tính “Pháp-Việt đề huề”. Khoảng các năm đầu thế kỷ 20, Khu Thủy Lợi Trung Phần của chính quyền bảo hộ Pháp có đưa ra đề án làm một liên hợp công trình thủy lợi bao gồm nhiều mặt tưới, tiêu, sản xuất thủy điện và cắt lũ cho đồng bằng Thừa Thiên - Huế. Trong hệ thống công trình này, có dự án đào một đường kênh từ sông Hương gần làng Tự Đức, đi vòng sau núi Ngự Bình rồi đổ vào sông Lợi Nông (An Cựu) để tiếp thêm nước ngọt cho sông Lợi Nông vào mùa nắng hạn. Song song với việc đào kênh này, ở trên thượng nguồn sông Hương dự trù xây đắp các đập trữ nước lớn (Hữu Trạch, Tả Trạch) để điều hòa nguồn nước trong mùa mưa, cắt giảm lụt và tăng thêm lưu lượng trong mùa nắng để dẫn tưới các đồng ruộng. Dự án này đã bị Cơ Mật Viện của nhà Vua bác bỏ với lý do phong thủy đây “thần bí”: “. . . đào kênh ngang qua vùng núi Ngự Bình sẽ làm đứt . . . long mạch của nhà Nguyễn”.

Cũng không biết nói làm sao, khi vị Thượng Thư Bộ Công (tức Bộ Trưởng Công Chánh) thời đó là một ông cụ (nếu trí nhớ tôi không lầm, cụ mang họ Võ) cùng với các đại quan đồng triều là những nhà Nho chỉ biết làm thơ phú, không có một chút hiểu biết nào về khoa học kỹ thuật . . . thì lời phán trên của Cơ Mật Viện nhà Nguyễn xét ra cũng không đáng ngạc nhiên và phàn nàn.

Về sau, khoảng các năm 1930-1932 dưới sự chỉ đạo

của Trưởng Kỹ sư Girard, các kỹ thuật gia Pháp đã thực hiện đập “Đập Thuận An” bằng cách đổ hàng triệu khối đá lớn, bít hẳn cửa sông Hương thì không nghe Cơ Mật Viện phản đối gì cả. Mặc dù trên mặt nổi, đập Thuận An được xem là công trình thủy lợi ngăn nước mặn từ biển Đông tràn lên sông Hương, ảnh hưởng đến hơn một vạn mẫu ruộng thấp trong tỉnh Thừa Thiên. Tuy nhiên, những người thức thời hiểu rõ tâm địa của thực dân Pháp lúc đó đều cho rằng khi thực hiện công trình này nhà cầm quyền Pháp nhắm mục tiêu chính trị rất thâm độc, có ý đồ cắt đứt giao thương bằng đường thủy của ngoại quốc với kinh đô Huế, vào lúc nước Nhật đang ra sức gây ảnh hưởng - bằng đường lối ngoại giao lẫn sức mạnh quân sự - lên các quốc gia trong vùng Đông Á và Đông Nam Á và làn gió văn minh Âu Mỹ đang có xu hướng thổi mạnh qua hướng Đông.

Một khi đập Thuận An đắp xong, kinh đô Huế cùng với vị Hoàng đế Việt Nam và chính phủ Nam triều coi như bị cô lập với thế giới bên ngoài, vào lúc mà các phương tiện giao thông bằng xe hơi cũng như xe lửa còn thô sơ và rất dễ bị người Pháp kiểm soát. Kể từ đó, con dân đất Thần kinh nào mong muốn tiếp nhận những tư tưởng cải cách tiến bộ của Âu Mỹ thì phải đi xa cả ngàn cây số vào Sài-gòn, hoặc ra Hà-nội, nơi đó có các trường Đại học do người Pháp thành lập. Với phương tiện xe lửa thô sơ nhưng tốn kém, người dân Huế bình thường vốn nghèo khổ làm sao có tiền để đi xa học hỏi với mức tốn kém như thế?

Sau đó, dư luận trong giới kỹ thuật bàn tán nhiều về tác dụng của đập Thuận An nên chính phủ Pháp đã cử một Ủy ban điều tra cao cấp từ Paris qua, gồm toàn những kỹ thuật gia thượng hạng trong các ngành Thủy lợi, Công Chánh để xem xét các mặt lợi, hại của đập này. Cuối cùng Ủy ban điều tra đã đi tới kết luận: “. . . Tội ác làm đập Thuận An ngang với tội giết người. Những người chủ trương xây dựng đập này đáng bị đưa ra tòa án trừng trị”. May cho ông Girard và các cộng sự viên của ông, sau đó ít lâu Thế chiến II bùng nổ, Đức chiếm đóng nước Pháp nên nội vụ được dẹp bỏ.

Bên cạnh công dụng ngăn chặn nước mặn tràn lên sông Hương, đập này đã bít hẳn cửa sông, cản trở việc thoát lũ nên làm cho nạn lụt trong tỉnh Thừa Thiên và thành phố Huế càng trầm trọng thêm. Thế rồi vào tháng 10. 1953, sau mấy ngày mưa lớn liên tiếp, đồng bằng Thừa Thiên - Huế đã chìm đắm trong một cơn lũ lịch sử. Kết quả: mấy chục người chết, hàng trăm nhà trôi mất và đập Thuận An bị bứt lở một đoạn dài trên 100 mét, sâu trên 20 mét. Từ đó, đập mất hết công dụng ngăn nước mặn như kế hoạch dự trù, nhưng việc cản trở thoát lũ ‘ngoài ý muốn’ thì vẫn còn, và chắc còn lâu dài ... Công đâu bỏ ra để lặn lấy hết số đá đã lấp ở cửa biển kia chứ?

Thì ra, không phải chỉ người Việt mới có khả năng “sản xuất” những chuyện “tếu” ! Người Pháp cũng là bậc thầy về tếu đấy chứ?

* Sau đây là một 'chuyện tếu' thuộc loại siêu đẳng, trong số rất nhiều “chuyện tếu” đã xảy ra cho thành phố Huế, kể từ sau ngày miền Nam “được” những người cộng sản “anh em” giải phóng . . .

Vào khoảng năm 1977, 78 Việt Cộng quyết tâm đào “lấy được” kênh Nam Sông Hương xuyên qua vùng gò đồi sau núi Ngự Bình. Đào kênh như thế mà không xây hồ chứa ở thượng lưu để trữ nước, gia tăng lưu lượng mùa hạ, thì khi bơm một lượng nước lớn từ sông Hương vào kênh, nước mặn có thể mò lên tới đầu kênh. Nước bơm vào kênh thay vì nước ngọt, có thể chỉ gồm toàn nước mặn mà thôi. Nghi vấn này đã được đặt ra trong nhiều buổi thảo luận kỹ thuật, nhưng không ai trả lời được, và dù sao thì . . . “trên đã quyết”.

Hàng vạn nắm mồ bắt buộc phải dời đi trong thời hạn ngắn. Ai chậm trễ thì mồ mã thân nhân bị san bằng. Cộng sản đã huy động hàng ngày 3, 4 vạn nhân công các Huyện lân cận và dân thành phố Huế cõm đùm gạo bới đi đào kênh Nam Sông Hương vào lúc kinh tế toàn tỉnh đang hồi suy sụp nhất, nhân dân đói rách nhất. Sau năm sáu tháng, kênh cũng đã hoàn thành. Tuy nhiên, chỉ hoạt động được trong vài ba ngày từ sau lễ khánh thành, có Tổng bí thư Lê Duẩn tham dự, và tất nhiên có nhiều bò heo bị giết để mừng công. Cứ mỗi lần 30 máy bơm điện loại khá lớn hoạt động (mỗi máy 1,000 m3/giờ, công suất 33 KVA) là điện của toàn thành phố Huế tắt ngúm - trừ các công sở quan trọng - nên sau đó công trình phải bỏ phế. Kết cuộc, chỉ sau một mùa mưa lũ kênh bị bồi lấp lại gần như cũ.

Đây là “chuyện tếu” đáng lẽ chỉ được xếp vào loại thường, nhưng sau khi được các báo của cộng sản viết bài ca tụng “. . . công trình Nam Sông Hương thể hiện tính ưu việt của chế độ ta . . .” thì nó được ... nâng cấp thành “chuyện tếu” siêu hạng trong số các 'chuyện tếu' cổ đô.

